



Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 1731/QĐ-BXD ngày 4 tháng 11 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101051096 ngày 4 tháng 2 năm 2016

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103007318 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 4 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101051096 ngày 4 tháng 2 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch
Ông Dương Văn Mậu	Ủy viên
Ông Phạm Thái Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hải Lâm	Ủy viên
Ông Phạm Sỹ Thiêm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Thái Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Huy Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Tùng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Thanh Huân	Trưởng ban
Ông Chu Quang Minh	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 4 và 5, Tòa nhà Vinaconex 9
Lô HH2-2, Đường Phạm Hùng
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh

Phố Phúc Trì, Phường Nam Thành
Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Phạm Thái Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14 -08- 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14-08-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-127-SX



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **14 -08- 2017**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.174.598.547.281	1.182.377.773.299
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	53.724.439.285	75.666.524.616
Tiền	111		27.024.439.285	45.466.524.616
Các khoản tương đương tiền	112		26.700.000.000	30.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.467.071.136	467.071.136
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	6.467.071.136	467.071.136
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		677.706.049.321	598.855.832.869
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	548.385.030.500	495.657.687.367
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.453.477.739	19.176.485.289
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	7.069.615.028	7.069.615.028
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	116.473.245.619	86.574.747.148
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(10.675.319.565)	(9.622.701.963)
Hàng tồn kho	140	15	421.247.613.532	484.824.525.758
Hàng tồn kho	141		421.247.613.532	484.824.525.758
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.453.374.007	22.563.818.920
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	13.794.455.935	11.554.381.175
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	8.505.350.370
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	21(b)	1.658.918.072	2.504.087.375

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 250 + 260)	200		156.008.597.661	192.761.907.389
Tài sản cố định	220		58.081.279.411	58.450.062.666
Tài sản cố định hữu hình	221	16	57.505.940.821	57.667.956.215
<i>Nguyên giá</i>	222		182.132.261.209	179.490.965.423
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(124.626.320.388)	(121.823.009.208)
Tài sản cố định vô hình	227	17	575.338.590	782.106.451
<i>Nguyên giá</i>	228		662.200.000	1.222.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(86.861.410)	(440.093.549)
Bất động sản đầu tư	230	18	68.319.227.100	69.293.140.584
<i>Nguyên giá</i>	231		204.626.971.103	204.626.971.103
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(136.307.744.003)	(135.333.830.519)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10(b)	313.866.000	313.866.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.800.000.000	1.800.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.486.134.000)	(1.486.134.000)
Tài sản dài hạn khác	260		29.294.225.150	64.704.838.139
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	29.294.225.150	64.704.838.139
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.330.607.144.942	1.375.139.680.688

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.149.076.707.175	1.183.728.195.981
Nợ ngắn hạn	310		1.096.360.275.943	1.129.719.887.001
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	266.207.073.798	282.445.291.487
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		268.822.311.308	256.744.029.634
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(a)	4.078.893.027	1.686.151.532
Phải trả người lao động	314		25.041.487.804	37.537.874.375
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	147.670.418.256	163.560.997.373
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23(a)	1.576.493.992	1.431.936.926
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	143.193.721.821	143.412.763.190
Vay ngắn hạn	320	25	239.378.132.492	242.900.842.484
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	391.743.445	-
Nợ dài hạn	330		52.716.431.232	54.008.308.980
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23(b)	52.716.431.232	53.383.727.830
Phải trả dài hạn khác	337		-	624.581.150
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		181.530.437.767	191.411.484.707
Vốn chủ sở hữu	410	27	181.530.437.767	191.411.484.707
Vốn cổ phần	411	28	120.000.000.000	120.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		34.843.684.000	34.843.684.000
Cổ phiếu quỹ	415	28	(3.186.169.620)	(3.186.169.620)
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.826.168.646	21.826.168.646
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.046.754.741	17.927.801.681
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		4.439.821.513	4.051.134.757
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		3.606.933.228	13.876.666.924
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.330.607.144.942	1.375.139.680.688

Người lập:

14-08-2017




Lê Thu Phương
 Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Hoàng Tùng Lâm
 Trưởng phòng tài chính kế toán




 Phạm Thái Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	513.881.923.441	426.462.652.042
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	489.458.486.703	398.094.298.806
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		24.423.436.738	28.368.353.236
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.825.555.183	1.872.415.940
Chi phí tài chính	22	33	11.732.886.203	11.888.083.945
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.732.886.203</i>	<i>11.863.741.427</i>
Chi phí bán hàng	25		62.454.545	108.701.096
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	12.274.264.384	13.623.129.728
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.179.386.789	4.620.854.407
Thu nhập khác	31	35	2.646.548.945	682.066.236
Chi phí khác	32		137.269.194	756.667.503
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.509.279.751	(74.601.267)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.688.666.540	4.546.253.140
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	943.733.312	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		3.744.933.228	4.546.253.140
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	320	389

14 -08- 2017

Người lập:



Lê Thu Phương
 Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Hoàng Tùng Lâm
 Trưởng phòng tài chính kế toán



Phạm Thái Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.688.666.540	4.546.253.140
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.533.717.050	39.000.335.603
Các khoản dự phòng	03		1.052.617.602	1.453.052.918
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.329.553.527)	(2.554.234.122)
Chi phí lãi vay	06		11.732.886.203	11.863.741.427
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.678.333.868	54.309.148.966
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		(70.491.580.455)	(16.692.592.192)
Biến động hàng tồn kho	10		63.576.912.226	37.141.267.083
Biến động các khoản phải trả	11		(36.208.020.740)	(93.749.972.427)
Biến động chi phí trả trước	12		33.170.538.229	(6.058.285.554)
			7.726.183.128	(25.050.434.124)
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.211.793.741)	(12.844.143.247)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(98.564.009)	(1.464.426.929)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	226.755.720
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.539.036.723)	(1.438.233.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.123.211.345)	(40.570.481.580)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.385.535.651)	(19.069.193.636)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.810.000.000	681.818.182
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(6.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	500.000.000
Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27		1.764.821.257	809.303.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.810.714.394)	(17.078.071.948)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		320.747.851.508	290.107.997.494
Tiền trả nợ gốc vay	34		(324.270.561.500)	(248.425.749.251)
Tiền trả cổ tức	36		(11.485.449.600)	(11.484.587.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.008.159.592)	30.197.660.693
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(21.942.085.331)	(27.450.892.835)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		75.666.524.616	80.620.868.399
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	53.724.439.285	53.169.975.564

14 -08- 2017

Người lập:



Lê Thu Phương
 Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Hoàng Tùng Lâm
 Trưởng phòng tài chính kế toán



Phạm Thái Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Văn phòng Công ty và một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, xây dựng nhà ở, các công trình giao thông, thủy lợi, bu-ru điện, cấp thoát nước, nền móng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, các công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- kinh doanh phát triển khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp và kinh doanh bất động sản;
- sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng, đồ gỗ nội ngoại thất phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và vật liệu xây dựng;
- khai thác kinh doanh nước sạch, năng lượng điện;
- dịch vụ quản lý bất động sản; và
- hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải, dịch vụ trông giữ xe.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 1 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 tại Ninh Bình (1/1/2017: 1 đơn vị hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 661 nhân viên (1/1/2017: 692 nhân viên).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh là dự án xây dựng và dự án hoạt động kinh doanh bất động sản được tính theo phương pháp giá đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 6 năm
▪ tài sản khác	5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao do có thời hạn không xác định.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 47 năm
- máy móc thiết bị 15 – 30 năm

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí cải tạo, tân trang cho Tòa nhà HH2-2 Phạm Hùng và chi phí quảng bá thương hiệu. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(iii) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã được chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động xây lắp
- Hoạt động kinh doanh bất động sản
- Cung cấp dịch vụ và cho thuê văn phòng
- Hoạt động khác

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động kinh doanh bất động sản		Cung cấp dịch vụ và cho thuê văn phòng		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	486.460.703.736	338.446.794.452	13.611.097.998	19.963.633.103	12.760.413.167	67.359.705.396	1.049.708.540	692.519.091	513.881.923.441	426.462.652.042
Kết quả kinh doanh của bộ phận	19.335.442.862	1.703.497.069	3.847.982.881	1.925.947.716	2.484.855.270	24.738.908.451	(1.244.844.275)	-	24.423.436.738	28.368.353.236
Chi phí không phân bổ									(12.336.718.929)	(13.731.830.824)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									12.086.717.809	14.636.522.412
Doanh thu tài chính									1.825.555.183	1.872.415.940
Chi phí tài chính									(11.732.886.203)	(11.888.083.945)
Thu nhập khác									2.646.548.945	682.066.236
Chi phí khác									(137.269.194)	(756.667.503)
Chi phí thuế TNDN									(943.733.312)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế									3.744.933.228	4.546.253.140

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động kinh doanh bất động sản		Cung cấp dịch vụ và cho thuê văn phòng		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	869.214.486.244	1.007.423.575.246	186.122.932.120	185.522.579.112	6.640.749.022	87.667.011.805	20.262.918.566	-	1.082.241.085.952	1.280.613.166.163
Tài sản không phân bổ									248.366.058.990	94.526.514.525
Tổng tài sản									1.330.607.144.942	1.375.139.680.688
Nợ phải trả của bộ phận	581.703.007.931	564.551.165.652	413.136.244.362	272.344.528.910	56.133.278.502	64.707.633.028	2.542.769.496	-	1.053.515.300.291	901.603.327.590
Các khoản nợ không phân bổ									95.561.406.884	282.124.868.391
Tổng nợ phải trả									1.149.076.707.175	1.183.728.195.981
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiêu vốn									3.385.535.651	19.069.193.636
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3.547.551.045	3.944.967.504	-	-	-	-	-	-	3.547.551.045	3.944.967.504
Khấu hao tài sản cố định vô hình	12.252.521	17.935.726	-	-	-	-	-	-	12.252.521	17.935.726
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	-	-	973.913.484	35.037.432.373	-	-	973.913.484	35.037.432.373

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	6.458.102.078	1.492.882.954
Tiền gửi ngân hàng	20.566.337.207	43.973.641.662
Các khoản tương đương tiền (*)	26.700.000.000	30.200.000.000
	53.724.439.285	75.666.524.616

(*) Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có:

- 10.000 triệu VND (1/1/2017: 15.000 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (Thuyết minh 25).
- 10.000 triệu VND (1/1/2017: 10.000 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (Thuyết minh 25).
- 1.700 triệu VND (1/1/2017: 200 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy (Thuyết minh 25).

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.467.071.136	467.071.136
	6.467.071.136	467.071.136

(*) Trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có:

- 5.000 triệu VND (1/1/2017: Không) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (Thuyết minh 25).
- 1.000 triệu VND (1/1/2017: Không) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

				30/6/2017 và 1/1/2017		
	Địa chỉ	% số hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
▪ Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai miền Nam	Bình Dương	1,37%	1,37%	1.250.000.000	(1.250.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	0,9%	0,9%	550.000.000	(236.134.000)	(*)
				1.800.000.000	(1.486.134.000)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty mẹ		
Tổng công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	10.214.298.948	21.722.726.413
Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ		
BĐH Thi công giai đoạn 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	242.937.614.800	243.404.821.015
Ban QLDA ĐTXD & Mở rộng Đường Láng Hoà Lạc	1.043.913.629	2.719.551.908
Ban QLDA Xây dựng ĐHQG TP Hồ Chí Minh	70.817.320	70.817.320
Các công ty liên quan khác	29.920.395.423	23.054.224.243
Bên thứ ba	264.197.990.380	204.685.546.468
548.385.030.500		495.657.687.367

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (*)	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9.1	1.569.615.028	1.569.615.028
	7.069.615.028	7.069.615.028

(*) Theo Thỏa thuận số 423-2014/V11-TCKT, Công ty đã chấp thuận không tính lãi vay đối với khoản cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 vay kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	4.860.000	4.860.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	38.500.570	38.500.570
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	5.366.040.130	5.305.306.204
Tạm ứng	75.734.881.525	46.604.965.729
Tạm ứng cho nhà cung cấp của Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh	27.535.462.668	26.894.788.145
Phải thu khác	7.793.500.726	7.726.326.500
	116.473.245.619	86.574.747.148

14. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần	Từ 2 đến				Từ 1 đến			
Cosevco 6	3 năm	10.851.176.023	(6.578.205.614)	4.272.970.409	2 năm	11.051.176.023	(5.525.588.012)	5.525.588.011
Các công ty khác	Trên 3 năm	5.424.464.786	(4.097.113.951)	1.327.350.835	Trên 3 năm	5.424.464.786	(4.097.113.951)	1.327.350.835
		<u>16.275.640.809</u>	<u>(10.675.319.565)</u>	<u>5.600.321.244</u>		<u>16.475.640.809</u>	<u>(9.622.701.963)</u>	<u>6.852.938.846</u>

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	20.001.838.138	-	29.810.228.912	-
Công cụ và dụng cụ	316.443.300	-	2.685.362.607	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	400.929.332.094	-	452.328.934.239	-
	421.247.613.532	-	484.824.525.758	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được chia theo bộ phận như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các dự án thuộc hoạt động xây dựng	239.624.877.705	282.344.168.046
Các dự án thuộc hoạt động kinh doanh bất động sản	161.304.454.389	169.984.766.193
	400.929.332.094	452.328.934.239

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng: tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty không có dự án nào có số dư chi phí xây dựng dở dang cao hơn giá trị có thể thu hồi được trong tương lai.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	18.697.056.393	115.571.729.685	30.387.126.523	9.696.480.268	5.138.572.554	179.490.965.423
Tăng trong kỳ	-	3.385.535.651	-	-	-	3.385.535.651
Thanh lý	(423.087.097)	-	(321.152.768)	-	-	(744.239.865)
Phân loại lại	-	4.451.346.668	(4.451.346.668)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	18.273.969.296	123.408.612.004	25.614.627.087	9.696.480.268	5.138.572.554	182.132.261.209
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	10.243.955.554	73.975.830.066	25.876.656.210	8.019.019.916	3.707.547.462	121.823.009.208
Khấu hao trong kỳ	265.800.086	2.314.015.739	446.862.189	258.136.414	262.736.617	3.547.551.045
Thanh lý	(423.087.097)	-	(321.152.768)	-	-	(744.239.865)
Phân loại lại	-	4.364.864.850	(4.364.864.850)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.086.668.543	80.654.710.655	21.637.500.781	8.277.156.330	3.970.284.079	124.626.320.388
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	8.453.100.839	41.595.899.619	4.510.470.313	1.677.460.352	1.431.025.092	57.667.956.215
Số dư cuối kỳ	8.187.300.753	42.753.901.349	3.977.126.306	1.419.323.938	1.168.288.475	57.505.940.821

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 63.983 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 62.494 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải có giá trị còn lại là 12.283 triệu VND (1/1/2017: 12.574 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.060.000.000	109.200.000	53.000.000	1.222.200.000
Thanh lý	(560.000.000)	-	-	(560.000.000)
Số dư cuối kỳ	500.000.000	109.200.000	53.000.000	662.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	359.961.372	65.549.917	14.582.260	440.093.549
Khấu hao trong kỳ	5.523.288	5.415.123	1.314.110	12.252.521
Thanh lý	(365.484.660)	-	-	(365.484.660)
Số dư cuối kỳ	-	70.965.040	15.896.370	86.861.410
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	700.038.628	43.650.083	38.417.740	782.106.451
Số dư cuối kỳ	500.000.000	38.234.960	37.103.630	575.338.590

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	152.934.601.651	51.692.369.452	204.626.971.103
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	92.483.686.195	42.850.144.324	135.333.830.519
Khấu hao trong kỳ	751.936.701	221.976.783	973.913.484
Số dư cuối kỳ	93.235.622.896	43.072.121.107	136.307.744.003
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	60.450.915.456	8.842.225.128	69.293.140.584
Số dư cuối kỳ	59.698.978.755	8.620.248.345	68.319.227.100

Bất động sản đầu tư cho thuê là giá trị tòa nhà Vinaconex 9 tại lô HH2-2, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị còn lại là 68.319 triệu VND (1/1/2017: 69.293 triệu VND). Một phần giá trị còn lại này là 30.153 triệu VND (1/1/2017: 30.583 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước phí bảo hiểm	224.846.193	213.792.097
Công cụ dụng cụ	13.083.292.518	11.330.125.811
Chi phí trả trước khác	486.317.224	10.463.267
	13.794.455.935	11.554.381.175

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	54.425.022.647	8.385.216.541	1.894.598.951	64.704.838.139
Tăng trong kỳ	3.071.696.965	244.940.000	-	3.316.636.965
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	5.791.027.627	-	-	5.791.027.627
Phân bổ trong kỳ	(34.921.287.964)	(8.241.474.283)	(426.875.597)	(43.589.637.844)
Thanh lý	(854.099.950)	-	-	(854.099.950)
Xóa sổ	(74.539.787)	-	-	(74.539.787)
Số dư cuối kỳ	27.437.819.538	388.682.258	1.467.723.354	29.294.225.150

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	1.815.585.173
Các công ty liên quan khác	7.423.010.401	14.654.794.185
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp SIMCO	71.251.609.542	62.811.378.102
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	55.367.254.169	55.584.270.862
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	40.528.404.924	45.691.068.038
Các nhà cung cấp khác	91.636.794.762	101.888.195.127
	266.207.073.798	282.445.291.487

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	802.413.659	55.155.203.422	(12.937.951.507)	(39.584.049.231)	3.435.616.343
Thuế thu nhập cá nhân	619.874.545	581.843.019	(802.376.421)	-	399.341.143
Các loại thuế khác	263.863.328	414.711.315	(434.639.102)	-	243.935.541
	1.686.151.532	56.151.757.756	(14.174.967.030)	(39.584.049.231)	4.078.893.027

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	2.504.087.375	(943.733.312)	98.564.009	-	1.658.918.072

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí đất thương phẩm (i)	70.094.212.052	70.093.035.836
Trích trước chi phí hạ tầng dự án Chi Đông (ii)	45.939.367.524	46.093.625.897
Trích trước chi phí hạ tầng và xây dựng nhà dự án Nghi Phú (ii)	8.872.352.534	12.848.142.924
Chi phí lãi vay	200.116.307	260.845.345
Các khoản khác	22.564.369.839	34.265.347.371
	<hr/>	<hr/>
	147.670.418.256	163.560.997.373

- (i) Theo Quyết định cấp đất của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cho Dự án khu đô thị mới Chi Đông, Công ty phải trích 25,018% chi phí đất thương phẩm để trả lại Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Chi phí này thể hiện số tiền Công ty ước tính sẽ phải trả lại Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cho giá trị đất thương phẩm đã được phản ánh vào giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ của Công ty.
- (ii) Chi phí trích trước cho hạ tầng dự án Chi Đông, cho hạ tầng và xây dựng nhà dự án Nghi Phú phản ánh chi phí xây dựng hạ tầng và xây dựng nhà theo dự toán tuy nhiên chưa phát sinh và được Công ty trích trước vào giá vốn bán hạ tầng và nhà ở cho khách hàng.

23. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tòa nhà Vinaconex 9 (i)	1.576.493.992	1.431.936.926

(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tòa nhà Vinaconex 9 (i)	52.716.431.232	53.383.727.830

- (i) Doanh thu chưa thực hiện cho thuê hoạt động tòa nhà Vinaconex 9 là khoản tiền nhận được từ khách hàng từ việc cho thuê hoạt động tòa nhà Vinaconex 9 tại lô HH2-2, Đường Phạm Hùng, Phường Mê Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải trả hoàn ứng chi phí	2.875.596.462	6.084.622.241
Đặt cọc mua dự án khu đô thị mới Chi Đông	2.155.117.250	2.155.117.250
Đặt cọc mua dự án khu đô thị mới Ninh Bình	1.827.900.000	1.827.900.000
BHXX, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn	4.739.325.067	3.802.308.708
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (i)	113.130.000.000	113.130.000.000
Cổ tức phải trả	6.426.000	6.426.000
Tiền thuê kho Sóc Sơn trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	114.253.450	114.253.450
Lãi vay phải trả	6.749.674.695	4.667.853.195
Các khoản khác	11.595.428.897	11.624.282.346
	<hr/>	<hr/>
	143.193.721.821	143.412.763.190
	<hr/>	<hr/>

- (i) Trong kỳ, Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam có thỏa thuận tạm ứng cho Công ty số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 113.130 triệu VND (1/1/2017: 113.130 triệu VND), tương ứng với phần giá trị các phiếu giá thanh toán được xác nhận nhưng chưa được chủ đầu tư thanh toán liên quan tới dự án “Khu đô thị Bắc An Khánh”. Khoản tạm ứng này chịu mức lãi suất tương đương với lãi suất khoản vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại. Trong kỳ, tổng lãi vay phát sinh là 3.581.821.500 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 2.303.462.222 VND).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	242.900.842.484	242.900.842.484	320.747.851.508	(324.270.561.500)	239.378.132.492	239.378.132.492

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây (i)	VND	6,8-7,3%	107.182.395.524	116.975.034.330
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (ii)	VND	6,7-7,2%	108.177.237.019	91.687.965.791
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy (iii)	VND	6,8-7,3%	23.770.915.509	33.995.508.051
Vay cá nhân (iv)	VND	4,5%	247.584.440	242.334.312
			<u>239.378.132.492</u>	<u>242.900.842.484</u>

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây (“BIDV Hà Tây”) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/178628/HĐTD ngày 31 tháng 8 năm 2016 cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2017, mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động với tổng dư nợ tối đa là 350 tỷ VND (bao gồm dư nợ vay, bảo lãnh, dư nợ mở thư tín dụng (“LC”) thực tế còn lại của Công ty). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị 10.000 triệu VND (1/1/2017: 15.000 triệu VND) (Thuyết minh 9) và tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 5.000 triệu VND (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 10) của Công ty tại BIDV Hà Tây và một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 8.788 triệu VND (1/1/2017: 8.930 triệu VND) (Thuyết minh 16).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (“Vietinbank Thăng Long”) theo công văn số 368/CTTLG-KHDN ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cho phép Vietinbank Thăng Long duyệt hạn mức tín dụng đối với Công ty là 400 tỷ VND; trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 200 tỷ VND, hạn mức tín dụng trung và dài hạn là 10 tỷ VND và hạn mức bảo lãnh là 250 tỷ VND. Thời hạn duy trì đến ngày 15 tháng 8 năm 2017. Lãi suất sẽ được thông báo cho từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị 10.000 triệu VND (1/1/2017: 10.000 triệu VND) (Thuyết minh 9) và tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 1.000 triệu VND (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 10) của Công ty tại Vietinbank Thăng Long và và một phần bất động sản đầu tư (một phần diện tích tòa nhà HH2.2 Phạm Hùng) với giá trị còn lại là 30.153 triệu VND (1/1/2017: 30.583 triệu VND) (Thuyết minh 18).
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy (“BIDV Cầu Giấy”) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/178628/HĐTD ngày 8 tháng 8 năm 2016; trong đó, hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn và mở LC là 100 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh là 100 tỷ VND (hạn mức này đã bao gồm toàn bộ số dư ngắn hạn của bên vay tại BIDV Cầu Giấy chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/HĐTDHM ngày 1 tháng 7 năm 2015 sang hợp đồng này). Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 31 tháng 7 năm 2017. Lãi suất được xác định trong hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi ngân hàng với giá trị 1.700 triệu VND (1/1/2017: 200 triệu VND) (Thuyết minh 9) và một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 3.495 triệu VND (1/1/2017: 3.644 triệu VND) (Thuyết minh 16).
- (iv) Khoản vay cá nhân ngắn hạn có thời hạn dưới 1 năm, cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày

30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	2.496.164
Trích lập trong kỳ	1.792.780.168	1.200.000.000
Tăng khác trong kỳ	-	20.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.401.036.723)	(1.162.909.887)
Số dư cuối kỳ	391.743.445	59.586.277

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	120.000.000.000	34.843.684.000	(3.186.169.620)	21.826.168.646	17.612.401.158	191.096.084.184
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.546.253.140	4.546.253.140
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(11.695.200.000)	(11.695.200.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(387.000.000)	(387.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	120.000.000.000	34.843.684.000	(3.186.169.620)	21.826.168.646	8.876.454.298	182.360.137.324
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	120.000.000.000	34.843.684.000	(3.186.169.620)	21.826.168.646	17.927.801.681	191.411.484.707
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.744.933.228	3.744.933.228
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.792.780.168)	(1.792.780.168)
Cổ tức	-	-	-	-	(11.695.200.000)	(11.695.200.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(138.000.000)	(138.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	120.000.000.000	34.843.684.000	(3.186.169.620)	21.826.168.646	8.046.754.741	181.530.437.767

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 339/2017/NQ/VC9-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức năm 2016 bằng 10% vốn cổ phần, tương đương 11.695.200.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 11.695.200.000 VND) và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.792.780.168 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 1.200.000.000 VND).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.000.000	120.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(304.800)	(3.186.169.620)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	11.695.200	116.952.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	73	1.661.754	74	1.657.926

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Xây lắp	486.460.703.736	338.446.794.452
▪ Bán hạ tầng, nhà ở và chung cư	13.611.097.998	19.963.633.103
▪ Cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ	12.760.413.167	67.359.705.396
▪ Bán hàng hóa vật tư và thành phẩm	1.049.708.540	692.519.091
	<hr/>	<hr/>
	513.881.923.441	426.462.652.042
	<hr/>	<hr/>

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán:		
▪ Xây lắp	467.125.260.874	336.743.297.383
▪ Bán hạ tầng, nhà ở và chung cư	9.763.115.117	18.037.685.387
▪ Cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ	10.275.557.897	42.620.796.945
▪ Bán hàng hóa vật tư và thành phẩm	2.294.552.815	692.519.091
	<hr/>	<hr/>
	489.458.486.703	398.094.298.806
	<hr/>	<hr/>

32. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ.

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.732.886.203	11.863.741.427
Lỗi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	-	24.342.518
	<hr/>	<hr/>
	11.732.886.203	11.888.083.945
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	6.209.876.507	7.668.886.338
Chi phí khấu hao và phân bổ	685.049.350	1.007.370.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	919.969.311	715.620.295
Thuế, phí và lệ phí	407.395.212	149.061.951
Chi phí dự phòng	1.052.617.602	1.453.052.918
Chi phí đồ dùng văn phòng	147.593.429	73.023.484
Chi phí bằng tiền khác	2.851.762.973	2.556.114.509
	12.274.264.384	13.623.129.728

35. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.503.998.344	682.066.236
Thu nhập khác	142.550.601	-
	2.646.548.945	682.066.236

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	253.760.939.482	162.698.306.188
Chi phí lương nhân viên	122.178.990.997	106.236.348.371
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.533.717.050	39.000.335.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.997.369.101	18.417.446.304
Chi phí khác	45.775.695.459	44.421.411.936
	450.246.712.089	370.773.848.402

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	943.733.312	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.688.666.540	4.546.253.140
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	937.733.308	909.250.628
Thuế tính theo chi phí không được khấu trừ thuế	6.000.004	31.803.836
Thuế tính theo lỗ tính thuế đã sử dụng	-	(941.054.464)
	943.733.312	-

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo, là 3.744.933.228 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 4.546.253.140 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 11.695.200 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 11.695.200 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Doanh thu xây lắp	3.192.331.538	50.811.929.188
Mua hàng hóa và dịch vụ	48.888.171	10.673.244.201
Chi phí lãi vay phần tạm ứng	3.581.821.500	2.303.462.222
Cổ tức	6.519.825.000	6.519.825.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7		
Cung cấp dịch vụ	162.562.514	113.352.934
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	9.162.470.776
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11		
Doanh thu cho thuê văn phòng	223.072.240	223.072.240
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12		
Cung cấp dịch vụ	79.549.752	277.266.240
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	108.950.262
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc		
Doanh thu bán hàng	9.472.521.081	1.711.542.439
Ban điều hành thi công Giai đoạn 1 Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh		
Mua hàng hóa	435.609.702	383.412.504
Công ty Cổ phần Vimeo		
Doanh thu xây lắp	16.830.164.694	123.094.078.486
Doanh thu bán và cho thuê máy móc thiết bị	9.090.909	-
Mua hàng hóa	845.621.332	28.631.160.509
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nước sạch Vinaconex		
Mua hàng hóa	249.324.505	245.974.610
Công ty liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh - Dự án Giai đoạn 2 đường Bắc An Khánh		
Doanh thu xây lắp	6.637.705.683	4.548.370.176

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày

30/6/2017 30/6/2016
VND VND

Thành viên Ban Giám đốc

Tiền lương và thưởng

1.137.500.000 958.721.739

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tiền lương và thưởng

957.500.000 1.046.363.600

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày

30/6/2017 30/6/2016
VND VND

Bù trừ lãi vay phải trả với công nợ phải thu

1.500.000.000 -

41. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được phân loại lại để nhất quán với cách trình bày trong báo cáo tài chính kỳ này. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 (phân loại lại)	1/1/2017 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	256.744.029.634	126.111.944.056
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.431.936.926	132.064.022.504

14 -08- 2017

Người lập:



Lê Thu Phương
 Phó phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Hoàng Tùng Lâm
 Trưởng phòng tài chính kế toán



Phạm Thái Dương
 Tổng Giám đốc